

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM SINH HỌC LỚP 9: SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG
BÀI 41: MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC NHÂN TỐ SINH THÁI

Câu 1: Thế nào là môi trường sống của sinh vật?

- A. Là nơi tìm kiếm thức ăn, nước uống của sinh vật.
- B. Là nơi ở của sinh vật.
- C. Là nơi sinh sống của sinh vật, bao gồm tất cả những gì bao quanh chúng.
- D. Là nơi kiếm ăn, làm tổ của sinh vật.

Đáp án: C

Câu 2: Nhân tố sinh thái là

- A. Các yếu tố vô sinh hoặc hữu sinh của môi trường.
- B. Tất cả các yếu tố của môi trường.
- C. Những yếu tố của môi trường tác động tới sinh vật.
- D. Các yếu tố của môi trường ảnh hưởng gián tiếp lên cơ thể sinh vật.

Đáp án: C

Câu 3: Các nhân tố sinh thái được chia thành những nhóm nào sau đây?

- A. Nhóm nhân tố vô sinh và nhân tố con người.
- B. Nhóm nhân tố ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm và nhóm các sinh vật khác.
- C. Nhóm nhân tố sinh thái vô sinh, nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh và nhóm nhân tố con người.
- D. Nhóm nhân tố con người và nhóm các sinh vật khác.

Đáp án: C

Câu 4: Sinh vật sinh trưởng và phát triển thuận lợi nhất ở vị trí nào trong giới hạn sinh thái?

- A. Gần điểm gây chết dưới.
- B. Gần điểm gây chết trên.
- C. Ở điểm cực thuận
- D. Ở trung điểm của điểm gây chết dưới và điểm gây chết trên.

Đáp án: C

Câu 5: Giới hạn sinh thái là gì?

- A. Là khoảng thuận lợi của một nhân tố sinh thái đảm bảo cơ thể sinh vật sinh trưởng và phát triển tốt.
- B. Là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với các nhân tố sinh thái khác nhau.
- C. Là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với một nhân tố sinh thái nhất định.
- D. Là khoảng tác động có lợi nhất của nhân tố sinh thái đối với cơ thể sinh vật.

Đáp án: C

Câu 6: Các nhân tố sinh thái nào sau đây là nhân tố sinh thái vô sinh?

- A. Ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, thực vật.
- B. Nước biển, sông, hồ, ao, cá, ánh sáng, nhiệt độ, độ dốc.
- C. Khí hậu, thổ nhưỡng, nước, địa hình.
- D. Các thành phần cơ giới và tính chất lí, hoá của đất; nhiệt độ, độ ẩm, động vật.

Đáp án: C

Câu 7: Cơ thể sinh vật được coi là môi trường sống khi:

- A. Chúng là nơi ở của các sinh vật khác.
- B. Các sinh vật khác có thể đến lấy chất dinh dưỡng từ cơ thể chúng.
- C. Cơ thể chúng là nơi ở, nơi lấy thức ăn, nước uống của các sinh vật khác.
- D. Cơ thể chúng là nơi sinh sản của các sinh vật khác.

Đáp án: C

Câu 8: Vì sao nhân tố con người được tách ra thành một nhóm nhân tố sinh thái riêng?

- A. Vì con người có tư duy, có lao động.
- B. Vì con người tiến hoá nhất so với các loài động vật khác.
- C. Vì hoạt động của con người khác với các sinh vật khác, con người có trí tuệ nên vừa khai thác tài nguyên thiên nhiên lại vừa cải tạo thiên nhiên.
- D. Vì con người có khả năng làm chủ thiên nhiên.

Đáp án: C

Câu 9: Những loài có giới hạn sinh thái rộng đối với nhiều nhân tố sinh thái, thì chúng có vùng phân bố như thế nào?

- A. Có vùng phân bố hẹp.
- B. Có vùng phân bố hạn chế.

- C. Có vùng phân bố rộng.
- D. Có vùng phân bố hẹp hoặc hạn chế.

Đáp án: C

Câu 10: Khi nào các yếu tố đất, nước, không khí, sinh vật đóng vai trò của một môi trường?

- A. Khi nơi đó có đủ điều kiện thuận lợi về nơi ở cho sinh vật.
- B. Là nơi sinh vật có thể kiếm được thức ăn.
- C. Khi đó là nơi sinh sống của sinh vật.
- D. Khi nơi đó không có ảnh hưởng gì đến đời sống của sinh vật.

Đáp án: C

Câu 11: Khi nào các yếu tố của môi trường như đất, nước, không khí, sinh vật đóng vai trò của một nhân tố sinh thái?

- A. Khi các yếu tố của môi trường không ảnh hưởng lên đời sống sinh vật.
- B. Khi sinh vật có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường.
- C. Khi các yếu tố của môi trường tác động lên đời sống sinh vật.
- D. Khi sinh vật có ảnh hưởng gián tiếp đến môi trường.

Đáp án: C

Câu 12: Cá chép có giới hạn chịu đựng về nhiệt độ là: 2°C đến 44°C , điểm cực thuận là 28°C . Cá rô phi có giới hạn chịu đựng về nhiệt độ là: 5°C đến 42°C , điểm cực thuận là 30°C . Nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Vùng phân bố cá chép hẹp hơn cá rô phi vì có điểm cực thuận thấp hơn.
- B. Vùng phân bố cá rô phi rộng hơn cá chép vì có giới hạn dưới cao hơn.
- C. Cá chép có vùng phân bố rộng hơn cá rô phi vì có giới hạn chịu nhiệt rộng hơn.
- D. Cá chép có vùng phân bố rộng hơn cá rô phi vì có giới hạn dưới thấp hơn.

Đáp án: C

BÀI 42: ẢNH HƯỞNG CỦA ÁNH SÁNG LÊN ĐỜI SỐNG SINH VẬT

Câu 13: Khi chuyển những sinh vật đang sống trong bóng râm ra sống nơi có cường độ chiếu sáng cao hơn thì khả năng sống của chúng như thế nào?

- A. Vẫn sinh trưởng và phát triển bình thường.

- B. Khả năng sống bị giảm sau đó không phát triển bình thường.
- C. Khả năng sống bị giảm, nhiều khi bị chết.
- D. Không thể sống được.

Đáp án: C

Câu 14: Ánh sáng ảnh hưởng tới đời sống thực vật như thế nào?

- A. Làm thay đổi hình thái bên ngoài của thân, lá và khả năng quang hợp của thực vật.
- B. Làm thay đổi các quá trình sinh lí quang hợp, hô hấp.
- C. Làm thay đổi những đặc điểm hình thái và hoạt động sinh lí của thực vật.
- D. Làm thay đổi đặc điểm hình thái của thân, lá và khả năng hút nước của rễ.

Đáp án: C

Câu 15: Hiện tượng tia cành tự nhiên là gì?

- A. Là hiện tượng cây mọc trong rừng có tán lá hẹp, ít cành.
- B. Cây trồng tia bớt các cành ở phía dưới.
- C. Là cành chỉ tập trung ở phần ngọn cây, các cành cây phía dưới sớm bị rụng.
- D. Là hiện tượng cây mọc trong rừng có thân cao, mọc thẳng.

Đáp án: C

Câu 16: Cây ưa sáng thường sống nơi nào?

- A. Nơi nhiều ánh sáng tán xạ.
- B. Nơi có cường độ chiếu sáng trung bình.
- C. Nơi quang đãng.
- D. Nơi khô hạn.

Đáp án: C

Câu 17: Cây ưa bóng thường sống nơi nào?

- A. Nơi ít ánh sáng tán xạ.
- B. Nơi có độ ẩm cao.
- C. Nơi ít ánh sáng và ánh sáng tán xạ chiếm chủ yếu.
- D. Nơi ít ánh sáng tán xạ hoặc dưới tán cây khác.

Đáp án: C

Câu 18: Theo khả năng thích nghi với các điều kiện chiếu sáng khác nhau của động vật,

người ta chia động vật thành các nhóm nào sau đây?

- A. Nhóm động vật ưa sáng, nhóm động vật ưa khô.
- B. Nhóm động vật ưa sáng, nhóm động vật ưa bóng.
- C. Nhóm động vật ưa sáng, nhóm động vật ưa tối.
- D. Nhóm động vật ưa sáng, nhóm động vật ưa ẩm.

Đáp án: C

Câu 19: Cây thông mọc riêng rẽ nơi quang đãng thường có tán rộng hơn cây thông mọc xen nhau trong rừng vì

- A. Ánh sáng mặt trời tập trung chiếu vào cành cây phía trên.
- B. Cây có nhiều chất dinh dưỡng.
- C. Ánh sáng mặt trời chiếu được đến các phía của cây.
- D. Cây có nhiều chất dinh dưỡng và phần ngọn của cây nhận nhiều ánh sáng.

Đáp án: C

Câu 20: Vai trò quan trọng nhất của ánh sáng đối với động vật là

- A. Kiếm mồi.
- B. Nhận biết các vật.
- C. Định hướng di chuyển trong không gian.
- D. Sinh sản.

Đáp án: C

Câu 21: Nếu ánh sáng tác động vào cây xanh từ một phía nhất định, sau một thời gian cây mọc như thế nào?

- A. Cây vẫn mọc thẳng.
- B. Cây luôn quay về phía mặt trời.
- C. Ngọn cây sẽ mọc cong về phía có nguồn sáng.
- D. Ngọn cây rũ xuống.

Đáp án: C

Câu 22: Lá cây ưa sáng có đặc điểm hình thái như thế nào?

- A. Phiến lá rộng, màu xanh sẫm.
- B. Phiến lá dày, rộng, màu xanh nhạt.

- C. Phiến lá hẹp, dày, màu xanh nhạt.
- D. Phiến lá hẹp, mỏng, màu xanh sẫm.

Đáp án: C

Câu 23: Lá cây ưa bóng có đặc điểm hình thái như thế nào?

- A. Phiến lá hẹp, mỏng, màu xanh nhạt.
- B. Phiến lá hẹp, dày, màu xanh sẫm.
- C. Phiến lá rộng, mỏng, màu xanh sẫm.
- D. Phiến lá dài, mỏng, màu xanh nhạt.

Đáp án: C

Câu 24: Vào buổi trưa và đầu giờ chiều, tư thế nằm phơi nắng của thằn lằn bóng đuôi dài như thế nào?

- A. Luân phiên thay đổi tư thế phơi nắng theo hướng nhất định.
- B. Tư thế nằm phơi nắng không phụ thuộc vào cường độ chiếu sáng của mặt trời.
- C. Phơi nắng nằm theo hướng tránh bớt ánh nắng chiếu vào cơ thể.
- D. Phơi nắng theo hướng bề mặt cơ thể hấp thu nhiều năng lượng ánh sáng mặt trời.

Đáp án: C

Câu 25: Nhịp điệu chiếu sáng ngày và đêm ảnh hưởng tới hoạt động của nhiều loài động vật như thế nào?

- A. Chỉ hoạt động vào lúc trước mặt trời mọc và lúc hoàng hôn.
- B. Chủ yếu hoạt động vào ban ngày.
- C. Có loài ưa hoạt động vào ban ngày, có loài ưa hoạt động vào ban đêm, có loài hoạt động vào lúc hoàng hôn hay bình minh.
- D. Chủ yếu hoạt động lúc hoàng hôn hoặc khi trời tối.

Đáp án: C

Câu 26: Vì sao những cây ở bìa rừng thường mọc nghiêng và tán cây lệch về phía có nhiều ánh sáng?

- A. Do tác động của gió từ một phía.
- B. Do cây nhận được nhiều ánh sáng.
- C. Cây nhận ánh sáng không đều từ các phía.

D. Do số lượng cây trong rừng tăng, lùn át cây ở bìa rừng.

Đáp án: C

Câu 27: Ứng dụng sự thích nghi của cây trồng đối với nhân tố ánh sáng, người ta trồng xen các loại cây theo trình tự sau:

- A. Cây ưa bóng trồng trước, cây ưa sáng trồng sau.
- B. Trồng đồng thời nhiều loại cây.
- C. Cây ưa sáng trồng trước, cây ưa bóng trồng sau.
- D. Tùy theo mùa mà trồng cây ưa sáng hoặc cây ưa bóng trước.

Đáp án: C

Câu 28: Những cây gỗ cao, sống chen chúc, tán lá hẹp phân bố chủ yếu ở:

- A. Thảo nguyên.
- B. Rừng ôn đới.
- C. Rừng mưa nhiệt đới.
- D. Hoang mạc.

Đáp án: C

BÀI 43: ẢNH HƯỞNG CỦA NHIỆT ĐỘ VÀ ĐỘ ẨM LÊN ĐỜI SỐNG SINH VẬT

Câu 29: Tầng Cutin dày trên bề mặt lá của các cây xanh sống ở vùng nhiệt đới có tác dụng gì?

- A. Hạn chế sự thoát hơi nước khi nhiệt độ không khí lên cao.
- B. Hạn chế ảnh hưởng có hại của tia cực tím với các tế bào lá.
- C. Tạo ra lớp cách nhiệt bảo vệ lá cây.
- D. Tăng sự thoát hơi nước khi nhiệt độ không khí lên cao.

Đáp án: A

Câu 30: Về mùa đông giá lạnh, các cây xanh ở vùng ôn đới thường rụng nhiều lá có tác dụng gì?

- A. Tăng diện tích tiếp xúc với không khí lạnh và giảm sự thoát hơi nước.
- B. Làm giảm diện tích tiếp xúc với không khí lạnh.
- C. Giảm diện tích tiếp xúc với không khí lạnh và giảm sự thoát hơi nước.
- D. Hạn sự thoát hơi nước.

Đáp án: C

Câu 31: Với các cây xanh sống ở vùng nhiệt đới, chồi cây có các vảy mỏng bao bọc, thân và rễ cây có các lớp bần dày. Những đặc điểm này có tác dụng gì?

- A. Hạn chế sự thoát hơi nước khi nhiệt độ không khí cao.
- B. Tạo ra lớp cách nhiệt bảo vệ cây.
- C. Hạn chế ảnh hưởng có hại của tia cực tím với các tế bào lá.
- D. Giảm diện tích tiếp xúc với không khí lạnh.

Đáp án: B

Câu 32: Quá trình quang hợp của cây chỉ có thể diễn ra bình thường ở nhiệt độ môi trường nào?

- A. 0° - 40° .
- B. 10° - 40° .
- C. 20° - 30° .
- D. 25° - 35° .

Đáp án: C

Câu 33: Ở nhiệt độ quá cao (cao hơn 40°C) hay quá thấp (0°C) các hoạt động sống của hầu hết các loại cây xanh diễn ra như thế nào?

- A. Các hạt diệp lục được hình thành nhiều.
- B. Quang hợp tăng – hô hấp tăng.
- C. Quang hợp giảm.– hô hấp tăng.
- D. Quang hợp giảm thiểu và ngưng trệ, hô hấp ngưng trệ.

Đáp án: D

Câu 34: Đặc điểm cấu tạo của động vật vùng lạnh có ý nghĩa giúp chúng giữ nhiệt cho cơ thể chống rét là:

- A. Có chi dài hơn.
- B. Cơ thể có lông dày và dài hơn (ở thú có lông).
- C. Chân có móng rộng.
- D. Đệm thịt dưới chân dày.

Đáp án: B

Câu 35: Ở động vật hằng nhiệt thì nhiệt độ cơ thể như thế nào?

- A. Nhiệt độ cơ thể không phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường.

- B. Nhiệt độ cơ thể phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường.
- C. Nhiệt độ cơ thể thay đổi ngược với nhiệt độ môi trường.
- D. Nhiệt độ cơ thể tăng hay giảm theo nhiệt độ môi trường.

Đáp án: A

Câu 36: Ở động vật biến nhiệt thì nhiệt độ cơ thể như thế nào?

- A. Nhiệt độ cơ thể không phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường.
- B. Nhiệt độ cơ thể phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường.
- C. Nhiệt độ cơ thể thay đổi không theo sự tăng hay giảm nhiệt độ môi trường.
- D. Nhiệt độ cơ thể thay đổi ngược với nhiệt độ môi trường.

Đáp án: B

Câu 37: Những cây sống ở nơi khô hạn thường có những đặc điểm thích nghi nào?

- A. Lá biến thành gai, lá có phiến mỏng.
- B. Lá và thân cây tiêu giảm.
- C. Cơ thể mọng nước, bản lá rộng
- D. Hoặc cơ thể mọng nước hoặc lá tiêu giảm hoặc lá biến thành gai.

Đáp án: D

Câu 38: Phiến lá của cây ưa ẩm, ưa sáng khác với cây ưa ẩm, chịu bóng ở điểm nào?

- A. Phiến lá mỏng, bản lá rộng, mô giậu kém phát triển, màu xanh sẫm.
- B. Phiến lá to, màu xanh sẫm, mô giậu kém phát triển.
- C. Phiến lá hẹp, màu xanh nhạt, mô giậu phát triển.
- D. Phiến lá nhỏ, mỏng, lỗ khí có ở hai mặt lá, mô giậu ít phát triển.

Đáp án: C

Câu 39: Phiến lá của cây ưa ẩm, chịu bóng khác với cây ưa ẩm, ưa sáng ở điểm nào?

- A. Phiến lá hẹp, màu xanh nhạt, mô giậu phát triển.
- B. Phiến lá dày, có nhiều tế bào kích thước lớn chứa nước.
- C. Phiến lá hẹp, lá có lớp lông cách nhiệt.
- D. Phiến lá mỏng, rộng bản, mô giậu ít phát triển.

Đáp án: D

Câu 40: Nhóm sinh vật nào sau đây có khả năng chịu đựng cao với sự thay đổi nhiệt độ

của môi trường?

- A. Nhóm sinh vật hằng nhiệt.
- B. Nhóm sinh vật biến nhiệt.
- C. Nhóm sinh vật ở nước.
- D. Nhóm sinh vật ở cạn.

Đáp án: A

Câu 41: Nhân tố nhiệt độ ảnh hưởng như thế nào lên đời sống thực vật?

- A. đến sự biến dạng của cây có rễ thở ở vùng ngập nước .
- B. đến cấu tạo của rễ
- C. đến sự dài ra của thân
- D. đến hình thái, cấu tạo, hoạt động sinh lý và sự phân bố của thực vật.

Đáp án: D

Câu 42: Giải thích nào về hiện tượng cây ở sa mạc có lá biến thành gai là đúng:

- A. Cây ở sa mạc có lá biến thành gai giúp cho chúng chống chịu với gió bão.
- B. Cây ở sa mạc có lá biến thành gai giúp cho chúng bảo vệ được khỏi con người phá hoại.
- C. Cây ở sa mạc có lá biến thành gai giúp cho chúng giảm sự thoát hơi nước trong điều kiện khô hạn của sa mạc.
- D. Cây ở sa mạc có lá biến thành gai giúp cây hạn chế tác động của ánh sáng.

Đáp án: C

Câu 43: Nhóm sinh vật nào dưới đây được xếp vào nhóm động vật hằng nhiệt

- A. Cá sấu, thỏ, ếch, dơi.
- B. Bò câu, cá rô phi, cá chép, chó sói.
- C. Cá rô phi, cá chép, ếch, cá sấu.
- D. Bò câu, chó sói, thỏ, dơi.

Đáp án: D

Câu 44: Nhóm sinh vật nào dưới đây được xếp vào nhóm động vật biến nhiệt?

- A. Cá rô phi, cá chép, ếch, cá sấu.
- B. Cá sấu, thỏ, ếch, dơi.
- C. Bò câu, mèo, thỏ, dơi.
- D. Bò câu, cá rô phi, cá chép, mèo.

Đáp án: A

Câu 45: Nhóm sinh vật nào dưới đây được xếp vào nhóm thực vật chịu hạn?

- A. Cây rau mác, cây xương rồng, cây phi lao.
- B. Cây thuốc bỏng, cây thông, cây rau bợ.
- C. Cây xương rồng, cây thuốc bỏng, cây thông, cây phi lao.
- D. Cây xương rồng, cây phi lao, cây rau bợ, cây rau mác.

Đáp án: C

Câu 46: Nhóm sinh vật nào sau đây toàn là động vật ưa khô?

- A. Éch, ốc sên, lạc đà.
- B. Ốc sên, giun đất, thằn lằn.
- C. Giun đất,ếch, ốc sên.
- D. Lạc đà, thằn lằn, kỳ nhông.

Đáp án: D

Câu 47: Nhóm sinh vật nào sau đây toàn là động vật ưa ẩm?

- A. Éch, ốc sên, giun đất.
- B. Éch, lạc đà, giun đất.
- C. Lạc đà, thằn lằn, kỳ đà.
- D. Ốc sên, thằn lằn, giun đất.

Đáp án: A

BÀI 44: ẢNH HƯỞNG LẤN NHAU GIỮA CÁC SINH VẬT

Câu 48: Quan hệ giữa hai loài sinh vật trong đó cả hai bên cùng có lợi là mối quan hệ?

- A. Hội sinh.
- B. Cộng sinh.
- C. Ký sinh.
- D. Cạnh tranh.

Đáp án: B

Câu 49: Quan hệ giữa hai loài sinh vật, trong đó một bên có lợi còn bên kia không có lợi và cũng không có hại là mối quan hệ?

- A. Ký sinh.
- B. Cạnh tranh.
- C. Hội sinh.
- D. Cộng sinh.

Đáp án: C

Câu 50: Các sinh vật khác loài tranh giành nhau thức ăn, nơi ở và các điều kiện sống khác của môi trường là đặc điểm của mối quan hệ khác loài nào sau đây?

- A. Cộng sinh.
- B. Hội sinh.
- C. Cạnh tranh.
- D. Ký sinh.

Đáp án: C

Câu 51: Sinh vật sống nhờ trên cơ thể của sinh vật khác, lấy chất dinh dưỡng và máu từ

ơ thể vật chủ là đặc điểm của mối quan hệ khác loài nào sau đây?

- | | |
|-------------------------------|--------------|
| A. Sinh vật ăn sinh vật khác. | B. Hội sinh. |
| C. Cạnh tranh. | D. Kí sinh. |

Đáp án: D

Câu 52: Các sinh vật cùng loài có quan hệ với nhau như thế nào?

- | | |
|-----------------------------|----------------------------|
| A. Cộng sinh và cạnh tranh. | B. Hội sinh và cạnh tranh. |
| C. Hỗ trợ và cạnh tranh. | D. Kí sinh, nửa kí sinh. |

Đáp án: C

Câu 53: Động vật ăn thịt con mồi, động vật ăn thực vật và thực vật bắt sâu bọ thuộc quan hệ khác loài nào sau đây?

- | | |
|----------------|-------------------------------|
| A. Cộng sinh. | B. Sinh vật ăn sinh vật khác. |
| C. Cạnh tranh. | D. Kí sinh. |

Đáp án: B

Câu 54: Quan hệ giữa các cá thể trong hiện tượng “tự tỉa” ở thực vật là mối quan hệ gì?

- | | |
|-----------------|-------------------------------|
| A. Cạnh tranh . | B. Sinh vật ăn sinh vật khác. |
| C. Hội sinh. | D. Cộng sinh. |

Đáp án: A

Câu 55: Rận và bét sống bám trên da trâu, bò. Rận, bét với trâu, bò có mối quan hệ theo kiểu nào dưới đây?

- | | |
|-------------------------------|----------------|
| A. Hội sinh. | B. Kí sinh. |
| C. Sinh vật ăn sinh vật khác. | D. Cạnh tranh. |

Đáp án: B

Câu 56: Địa y sống bám trên cành cây. Giữa địa y và cây có mối quan hệ theo kiểu nào dưới đây?

- | | |
|--------------|-----------------|
| A. Hội sinh. | B. Cộng sinh. |
| C. Kí sinh. | D. Nửa kí sinh. |

Đáp án: A

Câu 57: Khi có gió bão, thực vật sống thành nhóm có lợi gì so với sống riêng rẽ?

- A. Làm tăng thêm sức thổi của gió.

- B. Làm tăng thêm sự xói mòn của đất.
- C. Làm cho tốc độ gió thổi dừng lại, cây không bị đổ.
- D. Giảm bớt sức thổi của gió, hạn chế sự đổ của cây.

Đáp án: D

Câu 58: Các cá thể cùng loài sống với nhau thành một nhóm trong cùng một khu vực có thể cạnh tranh nhau gay gắt, dẫn tới một số cá thể có thể tách ra khỏi nhóm trong hoàn cảnh nào dưới đây?

- A. Khi môi trường cạn kiệt nguồn thức ăn, nơi ở quá chật chội.
- B. Khi gặp kẻ thù xâm lấn lãnh địa.
- C. Khi có gió bão.
- D. Khi có dịch bệnh.

Đáp án: A

Câu 59: Điều kiện nào dưới đây phù hợp với quan hệ hỗ trợ?

- A. Số lượng cá thể cao.
- B. Môi trường sống ấm áp.
- C. Khả năng sinh sản giảm.
- D. Diện tích chỗ ở hẹp lí, nguồn sống đầy đủ.

Đáp án: D

Câu 60: Con hổ và con thỏ trong rừng có thể có mối quan hệ trực tiếp nào sau đây:

- A. Cạnh tranh về thức ăn và nơi ở.
- B. Cộng sinh.
- C. Vật ăn thịt và con mồi.
- D. Kí sinh.

Đáp án: C

Câu 61: Cỏ dại thường mọc lẫn với lúa trên cánh đồng làm cho năng suất lúa bị giảm đi, giữa cỏ dại và lúa có mối quan hệ theo kiểu nào dưới đây:

- A. Cộng sinh.
- B. Hội sinh.
- C. Cạnh tranh.
- D. Kí sinh.

Đáp án: C

Câu 62: Quan hệ nào sau đây là quan hệ cộng sinh?

- A. Vi khuẩn trong nốt sần rễ cây họ đậu.
- B. Địa y bám trên cành cây.
- C. Giun đũa sống trong ruột người.
- D. Cây nắp ấm bắt côn trùng.

Đáp án: A

Câu 63: Cá ép bám vào rùa biển hoặc cá lớn, nhờ đó được rùa và cá lớn đưa đi xa. Cá ép, rùa biển và cá lớn có mối quan hệ nào dưới đây?

- A. Cộng sinh. B. Ký sinh.
C. Nửa kí sinh. D. Hội sinh.

Đáp án: D